

[ASSIGNMENT 3] [STP302X_01 KIÊM THỬ CƠ BẢN]

Họ và tên: Phạm Hải Thanh

Mã SV: FX20171

MỤC LỤC

A. Trả lời câu hỏi làm rõ thuộc tính và quan hệ trong CSDL	3
B. Xác định các thực thể trong CSDL	4
C. Xây dữ liệu quan hệ ER	5
D. Chuyển đổi mô hình quan hệ và xây dựng CSDL theo yêu cầu	6
E. Truy vấn dữ liệu theo yêu cầu	9
Câu 1	9
Câu 2	13
Câu 3	15
Câu 4	
Câu 5	19
Câu 6	
Câu 7	24
Câu 8	26
Câu 9	
Câu 10	31

A. Trả lời câu hỏi làm rõ thuộc tính và quan hệ trong CSDL

1. Trong công ty, một nhân viên thường có những thông tin nào?

Một nhân viên thường có các trường thông tin cơ bản như sau

- Ho và tên

- Ngày tháng năm sinh

- Quê quán/ Nơi ở hiện tại

- Số chứng minh/CCCD

- Số điện thoại Email

- Số đt.người liên lạc khẩn cấp

- Mã nhân viên

- Chức vu

- Phòng ban

- Ngày thử việc

- Ngày kí hợp đồng

- Số tk ngân hàng

- Mức lương

- Mức phụ cấp

- 2. Các phòng ban trong công ty thường bao gồm những thông tin nào? Một phòng ban thường bao gồm các thông tin sau
 - Mã phòng ban
 - Mô tả ngắn gọn về phòng ban (Tên gọi, chức năng...)
 - Địa điểm/vị trí phòng ban
 - Số điện thoại line (nếu có)
 - Email phòng ban (nếu có)
 - Số lượng nhân viên
 - Cơ cấu phòng ban/chức danh nhân viên trong phòng ban

B. Xác định các thực thể trong CSDL

- 1. Chúng ta sẽ cần bao nhiều thực thể trong CSDL với yêu cầu trên? Các thực thể cần thiết bao gồm NHANVIEN, BANGLUONG, HODONGLAODONG, PHONGBAN
- 2. Với mỗi thực thể, những thông tin nào là bắt buộc phải có và thông tin nào là thông tin bổ sung?
- Với thực thể NHANVIEN:

Các thông tin bắt buộc: Mã nhân viên, Họ tên, Ngày sinh, Quê quán, giới tính, số điện thoại, Quê quán, Chức vụ, Phòngban, Ngày vào, Mã bảng lương

Các thông tin không bắt buộc: Dân tộc, Tôn giáo, Điện thoại người liên lạc khẩn cấp...

- Với thực thể PHONGBAN:

Các thông tin bắt buộc: Mã phòng ban, Tên phòng ban

Các thông tin không bắt buộc: Mô tả, địa chỉ, số điện thoại, Số nhân viên...

- Với thực thể HOPDONGLAODONG:

Các thông tin bắt buộc: Mã NV, Mã HD, Loại HD, Ngày kí, Ngày kết thúc HD

Các thông tin không bắt buộc: Mô tả vị trí, địa chỉ nv, số điện thoại nv, CMND, Giới tính...

- Với thực thể BANGLUONG:

Các thông tin bắt buộc: Mã bảng lương, Lương cơ bản, phụ cấp

Các thông tin không bắt buộc: Mô tả vị trí, địa chỉ nv, số điện thoại nv, số năm làm việc...

C. Xây dữ liệu quan hệ ER

- Mối quan hệ giữa NHÂN VIÊN và PHÒNG BAN ban là gì?

PHÒNG BAN là thực thể, mỗi PHÒNG BAN có thể có nhiều NHÂN VIÊN với chức vụ khác nhau.

Mỗi NHÂN VIÊN sẽ chỉ thuộc 1 PHÒNG BAN và có 1 MÃ PHÒNG BAN .

--> Mối quan hệ 1-1

Mỗi PHÒNG BAN chỉ có 1 nhân viên là quản lý.

--> Mối quan hệ 1-1

- Mối quan hệ giữa NHÂN VIÊN và HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG là gì?

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG của 1 công ty sẽ bao gồm hợp đồng thử việc và chính thức của tất cả các NHÂN VIÊN và được quản lý bằng mã hợp đồng và mã nhân viên.

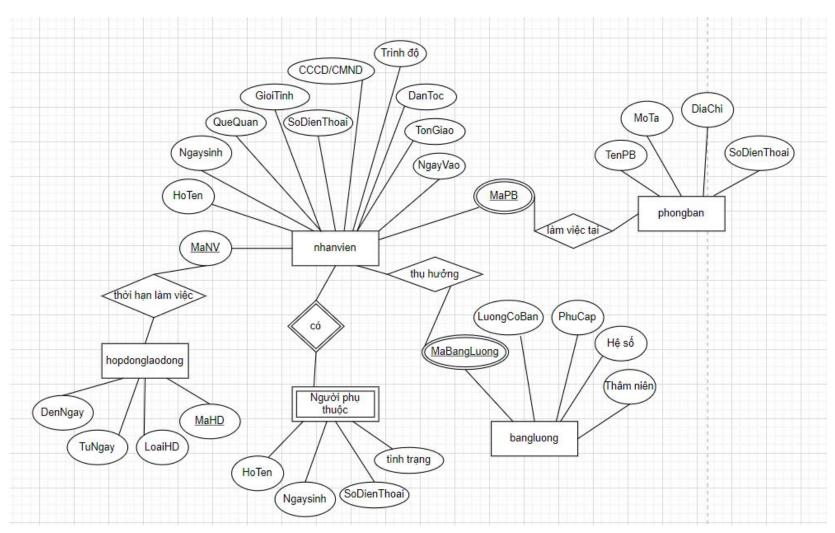
--> Mối quan hệ 1-n
Mỗi 1 mã nhân viên sẽ có 1 mã hợp đồng tương ứng.

--> Mối quan hệ 1-1

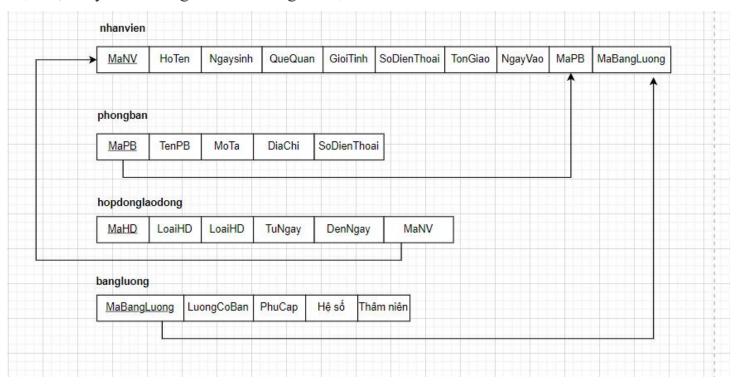
- Mối quan hệ giữa NHÂN VIÊN và BẢNG LƯƠNG là gì?

BẢNG LƯƠNG sẽ bao gồm lương và phụ cấp của tất cả các NHÂN VIÊN trong công ty . --> Mối quan hệ 1-n Mỗi NHÂN VIÊN sẽ có 1 MÃ BẢNG LƯƠNG riêng biệt. --> Mối quan hệ 1-1

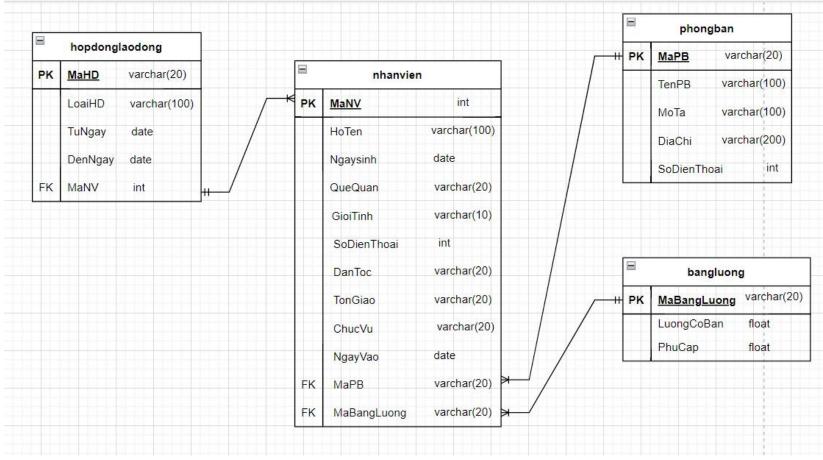
D. Chuyển đổi mô hình quan hệ và xây dựng CSDL theo yêu cầu



Từ mô hình quan hệ ER, chuyển đổi sang mô hình bảng dữ liệu?



Tạo bảng CSDL dựa trên những thông tin đã xây dựng trước đó



```
E. Truy vấn dữ liệu theo yêu cầu
Câu 1
```

/* 1. Lập danh sách nhân viên vào làm việc tại công ty từ ngày 8/3/2021.

Danh sách sẽ bao gồm: Mã nhân viên, Họ tên, Ngày sinh, Quê quán, Số điện thoại, Chức vụ, Ngày vào công ty, Tên bộ phận (nếu có).*/
CÁCH 1:

USE quanlynhansu;

SELECT MaNV AS 'Mã Nhân Viên',

HoTen AS 'Ho Tên',

NgaySinh AS 'Ngày Sinh',

QueQuan AS 'Quê quán',

SoDienThoai AS 'Số điện thoại',

ChucVu AS 'Chức vu',

Ngay Vao AS 'Ngày vào công ty',

MaPB AS' Mã phòng ban',

CASE

WHEN MaPB = 'PB01' THEN 'Phòng Kế Toán'

WHEN MaPB = 'PB02' THEN 'Phòng Hành Chính'

WHEN MaPB = 'PB03' THEN 'Phòng Kế Hoạch'

WHEN MaPB = 'PB04' THEN 'Phòng Nhân Sự'

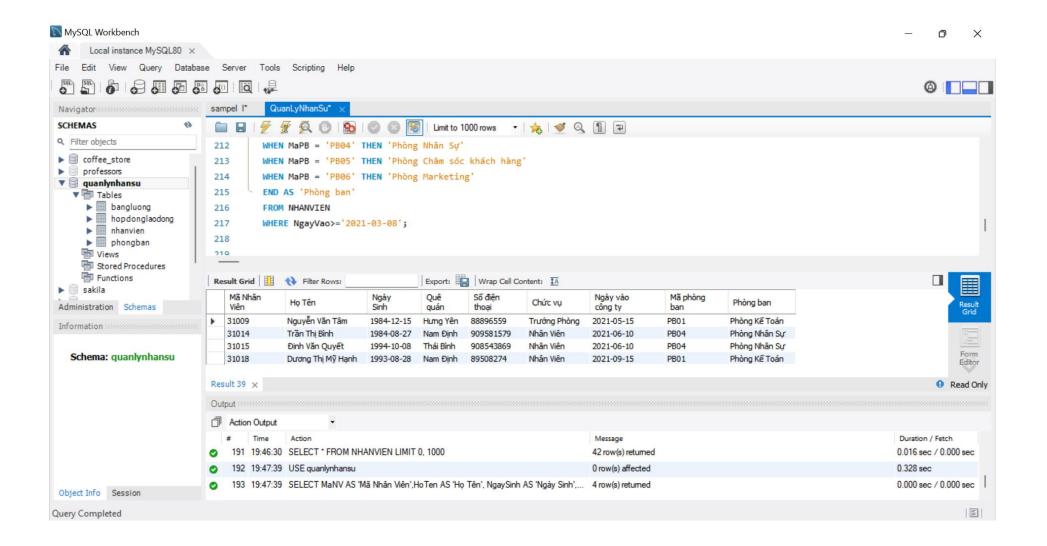
WHEN MaPB = 'PB05' THEN 'Phòng Chăm sóc khách hàng'

WHEN MaPB = 'PB06' THEN 'Phòng Marketing'

END AS 'Phòng ban'

FROM nhanvien

WHERE NgayVao>='2021-03-08';

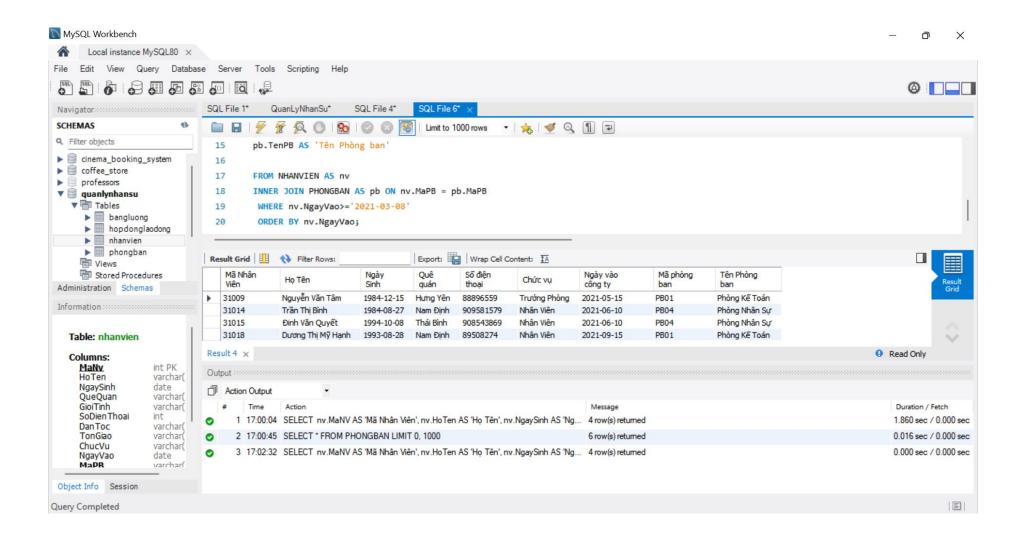


CÁCH 2: SELECT

nv.MaNV AS 'Mã Nhân Viên', nv.HoTen AS 'Họ Tên', nv.NgaySinh AS 'Ngày Sinh', nv.QueQuan AS 'Quê quán', nv.SoDienThoai AS 'Số điện thoại', nv.ChucVu AS ' Chức vụ', nv.NgayVao AS 'Ngày vào công ty', pb.MaPB AS' Mã phòng ban', pb.TenPB AS 'Tên Phòng ban'

FROM nhanvien AS nv

INNER JOIN phongban AS pb ON nv.MaPB = pb.MaPB WHERE nv.NgayVao>='2021-03-08' ORDER BY nv.NgayVao;



/2. Danh sách thông tin nhân viên kí hợp đồng chính thức sau ngày 01/03/2018 Danh sách sẽ bao gồm: Mã nhân viên, Họ tên, Ngày sinh, Quê quán, Số điện thoại, Chức vụ, Ngày vào công ty, Tên bộ phận (nếu có), Ngày kí hợp đồng chính thức./

SELECT

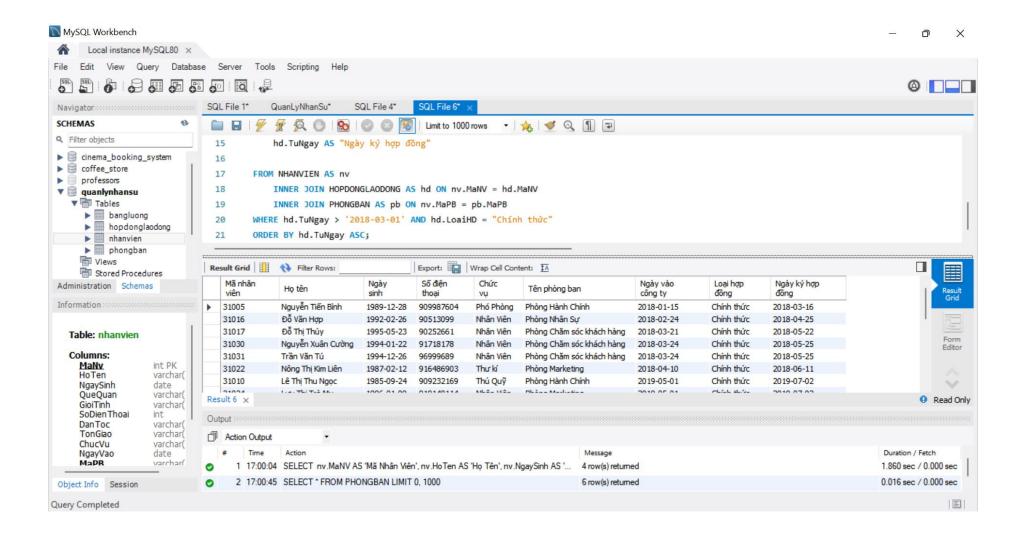
nv.MaNV AS "Mã nhân viên", nv.HoTen AS "Họ tên", nv.NgaySinh AS "Ngày sinh", nv.SoDienThoai AS "Số điện thoại", nv.ChucVu AS "Chức vụ", pb.TenPB AS "Tên phòng ban", nv.NgayVao AS "Ngày vào công ty", hd.LoaiHD AS "Loại hợp đồng", hd.TuNgay AS "Ngày ký hợp đồng"

FROM NHANVIEN AS nv

INNER JOIN hopdonglaodong AS hd ON nv.MaNV = hd.MaNV INNER JOIN phongban AS pb ON nv.MaPB = pb.MaPB

WHERE hd.TuNgay > '2018-03-01' AND hd.LoaiHD = "Chính thức"

ORDER BY hd.TuNgay ASC;



/* 3. Ai là trưởng phòng của phòng Hành chính?

Thông tin gồm có: Mã nhân viên, Họ tên, Ngày sinh, Quê quán, Số điện thoại, Chức vụ, Ngày vào công ty, Lương cơ bản, Phụ cấp.*/

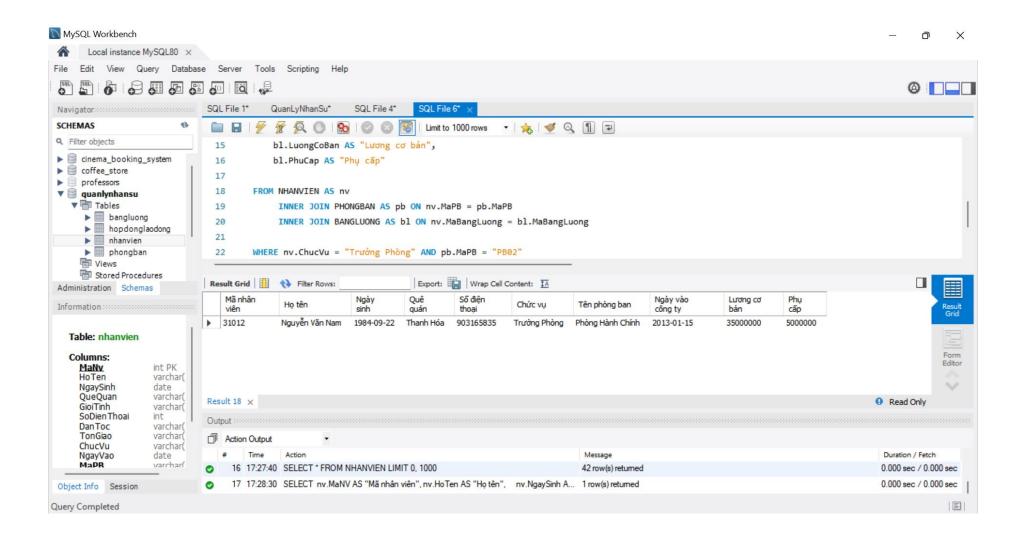
SELECT

nv.MaNV AS "Mã nhân viên",
nv.HoTen AS "Họ tên",
nv.NgaySinh AS "Ngày sinh",
nv.QueQuan AS "Quê quán",
nv.SoDienThoai AS "Số điện thoại",
nv.ChucVu AS "Chức vụ",
pb.TenPB AS "Tên phòng ban",
nv.NgayVao AS "Ngày vào công ty",
bl.LuongCoBan AS "Lương cơ bản",
bl.PhuCap AS "Phụ cấp"

FROM nhanvien AS nv

INNER JOIN phongban AS pb ON nv.MaPB = pb.MaPB
INNER JOIN bangluong AS bl ON nv.MaBangLuong = bl.MaBangLuong

WHERE nv.ChucVu = "Trưởng Phòng" AND pb.MaPB = "PB02";



/* 4. Tính tổng số nhân viên hiện nay của phòng kế hoạch Thông tin hiển thị gồm: Tên phòng ban và số lượng nhân viên của phòng ban.*/

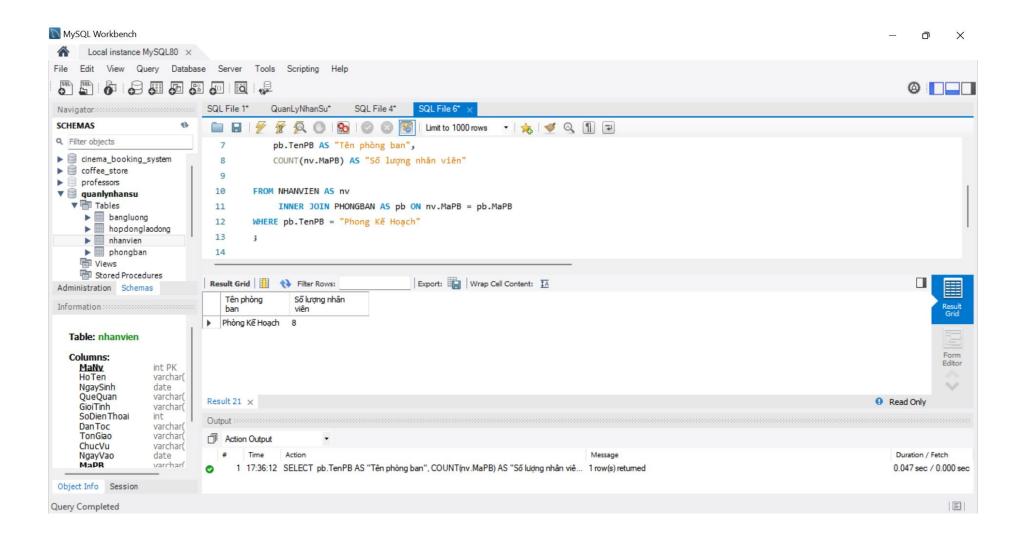
SELECT

pb.TenPB AS "Tên phòng ban", COUNT(nv.MaPB) AS "Số lượng nhân viên"

FROM nhanvien AS nv

INNER JOIN phongban AS pb ON nv.MaPB = pb.MaPB

WHERE pb.TenPB = "Phòng Kế Hoạch";



/*5. Liệt kê danh sách nhân viên đã làm việc trên 4 năm
Thông tin hiển thị gồm: Mã nhân viên, Họ tên, Ngày sinh, Quê quán, Số điện thoại, Chức vụ, Ngày vào công ty, Tên
bộ phân (nếu có), số năm làm việc tính đến thời điểm hiện tại.*/

SELECT

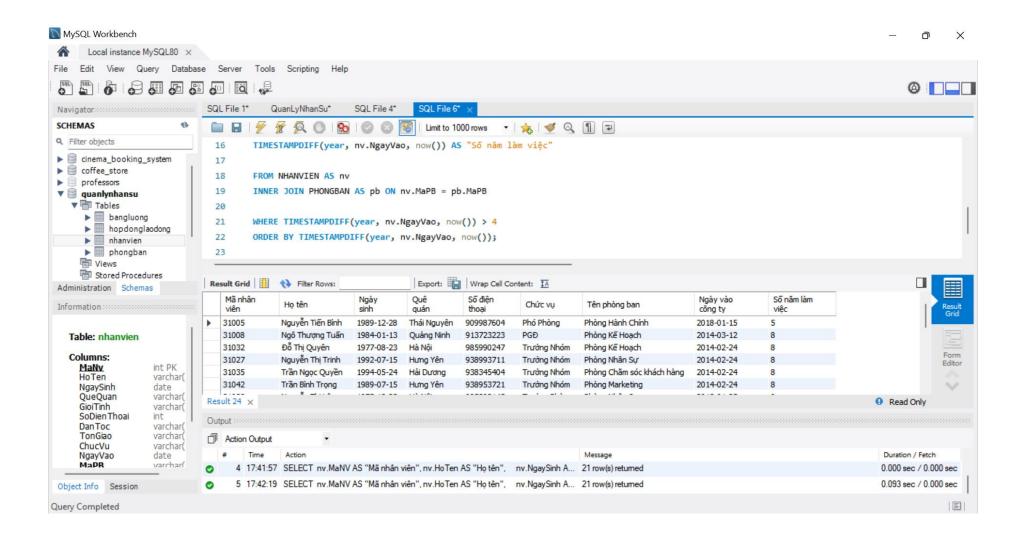
nv.MaNV AS "Mã nhân viên", nv.HoTen AS "Họ tên", nv.NgaySinh AS "Ngày sinh", nv.QueQuan AS "Quê quán", nv.SoDienThoai AS "Số điện thoại", nv.ChucVu AS "Chức vụ", pb.TenPB AS "Tên phòng ban", nv.NgayVao AS "Ngày vào công ty",

TIMESTAMPDIFF(year, nv.NgayVao, now()) AS "Số năm làm việc"

FROM nhanvien AS nv

INNER JOIN phongban AS pb ON nv.MaPB = pb.MaPB

WHERE TIMESTAMPDIFF(year, nv.NgayVao, now()) > 4 ORDER BY TIMESTAMPDIFF(year, nv.NgayVao, now());



/* 6. Sửa thông tin ngày sinh của nhân viên có mã nhân viên là 31019 thành 15/3/1988 Lấy ra thông tin của nhân viên sau khi đã chỉnh sửa.

Thông tin hiển thị gồm: Mã nhân viên, Họ tên, Ngày sinh, Quê quán, Số điện thoại, Chức vụ, Ngày vào công ty, Tên bộ phận (nếu có).

Chú ý: dữ liệu thời gian trong bảng có định dạng: yyyy-mm-dd */

```
UPDATE nhanvien
SET NgaySinh = "1988-03-15"
WHERE MaNV = 31019;
```

SELECT

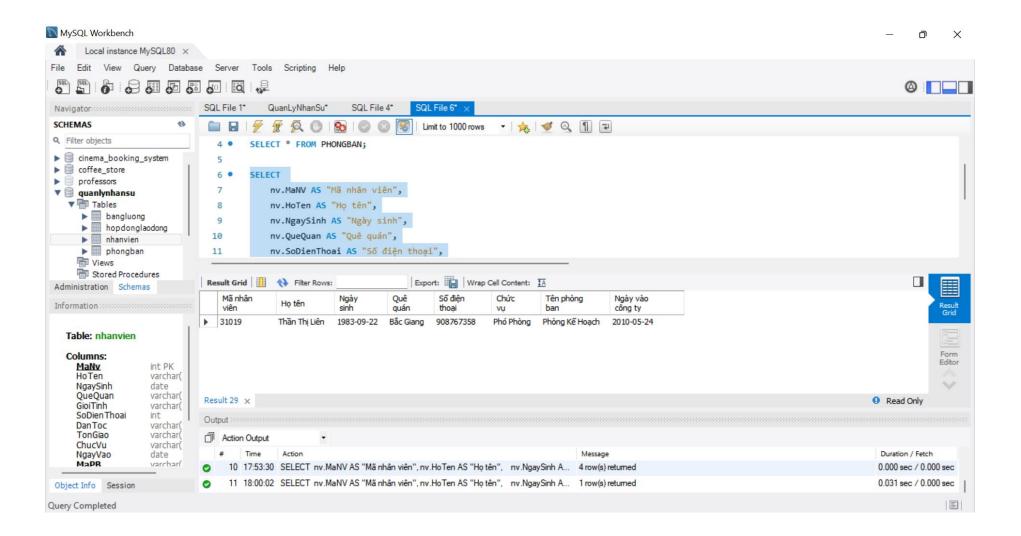
```
nv.MaNV AS "Mã nhân viên",
nv.HoTen AS "Họ tên",
nv.NgaySinh AS "Ngày sinh",
nv.QueQuan AS "Quê quán",
nv.SoDienThoai AS "Số điện thoại",
nv.ChucVu AS "Chức vụ",
pb.TenPB AS "Tên phòng ban",
nv.NgayVao AS "Ngày vào công ty"
```

FROM nhanvien AS nv

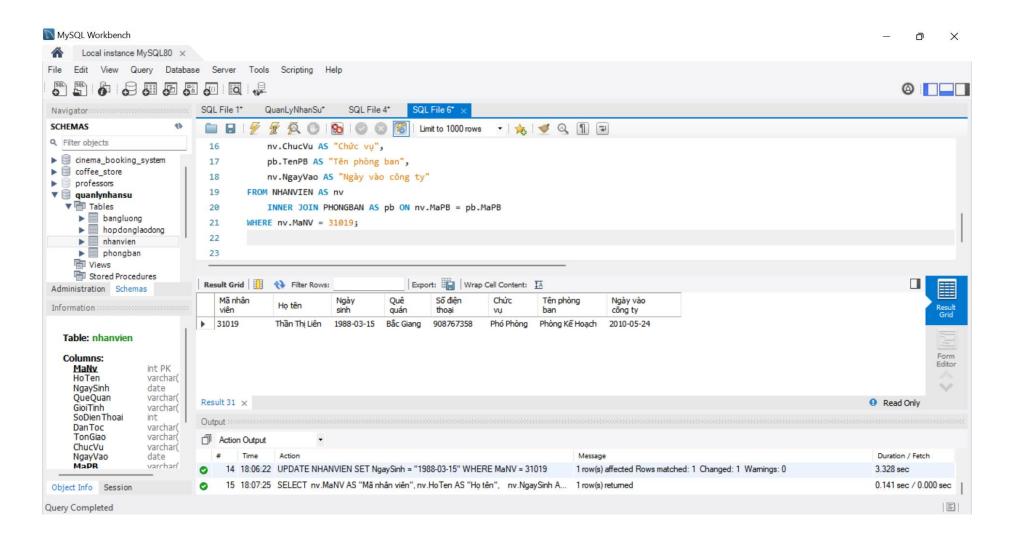
INNER JOIN phongban AS pb ON nv.MaPB = pb.MaPB

WHERE nv.MaNV = 31019;

TRƯỚC KHI UPDATE



SAU KHI UPDATE



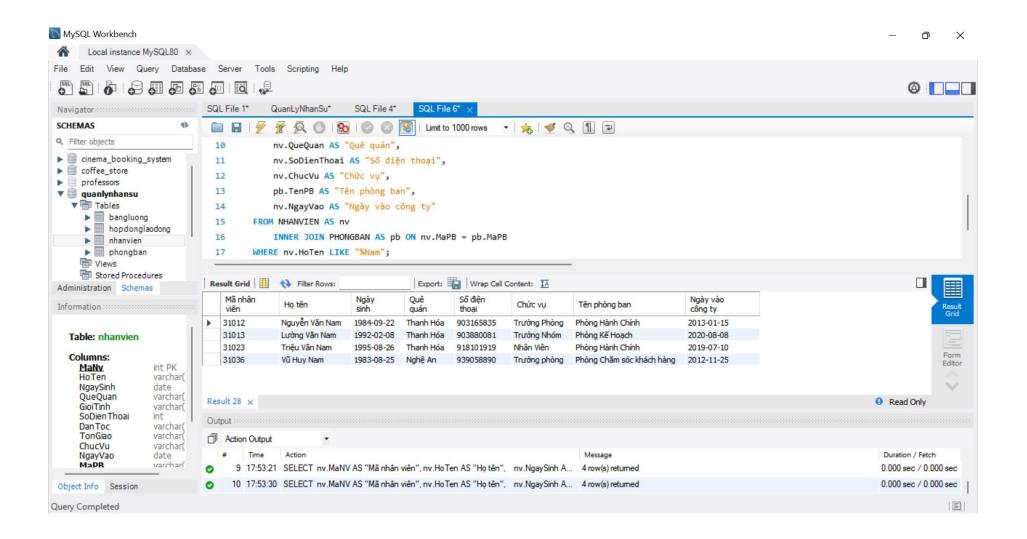
/*7. Tìm kiếm tất cả nhân viên có tên là Nam Thông tin hiển thị gồm: Mã nhân viên, Họ tên, Ngày sinh, Quê quán, Số điện thoại, Chức vụ, Ngày vào công ty, Tên bộ phận (nếu có).*/

SELECT

nv.MaNV AS "Mã nhân viên", nv.HoTen AS "Họ tên", nv.NgaySinh AS "Ngày sinh", nv.QueQuan AS "Quê quán", nv.SoDienThoai AS "Số điện thoại", nv.ChucVu AS "Chức vụ", pb.TenPB AS "Tên phòng ban", nv.NgayVao AS "Ngày vào công ty"

FROM nhanvien AS nv

INNER JOIN phongban AS pb ON nv.MaPB = pb.MaPB WHERE nv.HoTen LIKE "%Nam";



/* 8. Xóa nhân viên có mã nhân viên là 31030 ra khỏi cơ sở dữ liệu Kiểm tra lại bằng cách tìm kiếm nhân viên theo mã trên.*/

```
DELETE FROM nhanvien

WHERE MaNV = 31030;

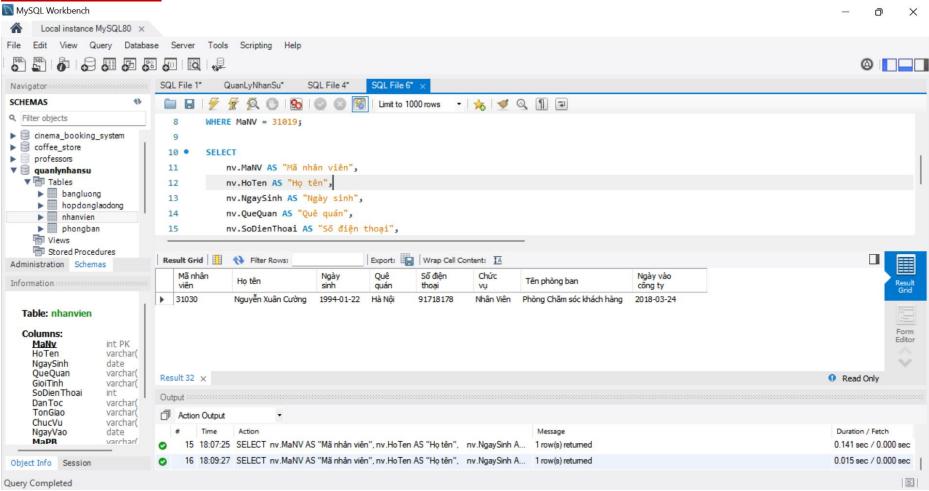
SELECT

nv.MaNV AS "Mã nhân viên",
nv.HoTen AS "Họ tên",
nv.NgaySinh AS "Ngày sinh",
nv.QueQuan AS "Quê quán",
nv.SoDienThoai AS "Số điện thoại",
nv.ChucVu AS "Chức vụ",
pb.TenPB AS "Tên phòng ban",
nv.NgayVao AS "Ngày vào công ty"

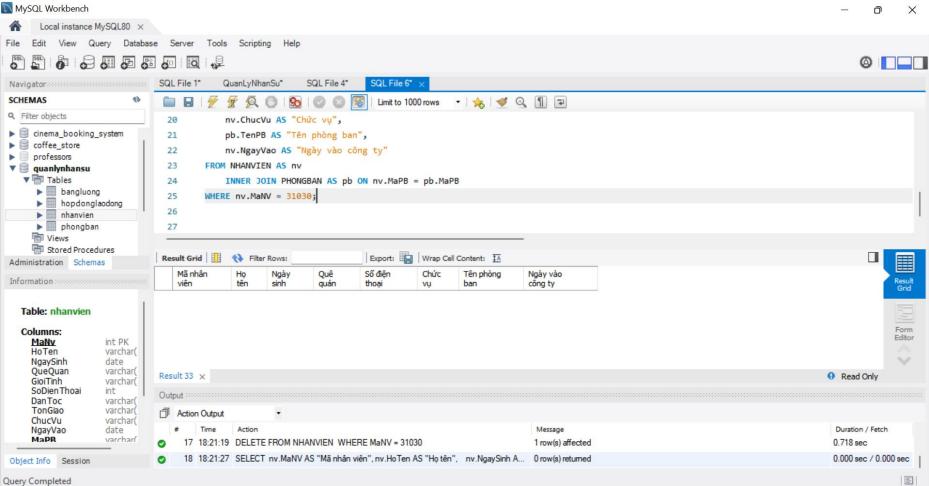
FROM nhanvien AS nv
INNER JOIN phongban AS pb ON nv.MaPB = pb.MaPB
```

WHERE nv.MaNV = 31030;

TRƯỚC KHI XÓA



SAU KHI XÓA



/* 9. Lập danh sách thống kê tổng số nhân viên theo quê quán của mỗi phòng ban Thông tin danh sách sẽ bao gồm: Tên phòng ban, Tỉnh thành, Số lượng nhân viên.*/

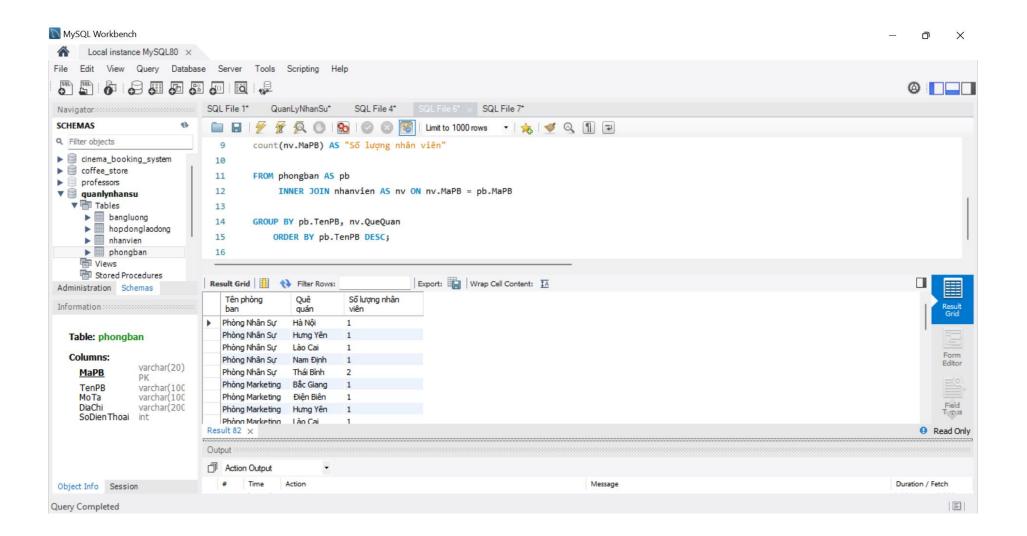
SELECT

pb.TenPB AS "Tên phòng ban", nv.QueQuan AS "Quê quán", COUNT(nv.MaPB) AS "Số lượng nhân viên"

FROM phongban AS pb

INNER JOIN nhanvien AS nv ON nv.MaPB = pb.MaPB

GROUP BY pb.TenPB, nv.QueQuan **ORDER BY** pb.TenPB DESC;



/* 10. Tính trung bình mức lương (lương cơ bản + phụ cấp) của mỗi phòng ban trong công ty Thông tin sẽ bao gồm: Tên phòng ban, mức lương trung bình.*/

SELECT

pb.TenPB AS "Tên phòng ban", ROUND(AVG(bl.LuongCoBan+bl.PhuCap)) AS "Trung bình thu nhập" FROM bangluong as bl, phongban as pb

INNER JOIN nhanvien AS nv ON pb.MaPB=nv.MaPB

WHERE bl.MaBangLuong=nv.MaBangLuong AND pb.MaPB=nv.MaPB GROUP BY pb.MaPB
ORDER BY AVG(bl.LuongCoBan+bl.PhuCap) ASC;

